

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: TIN HỌC, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian	
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL		
1	Khái niệm CSDL và hệ CSDL	1. Khái niệm cơ sở dữ liệu (CSDL)	3	2.25	2	2.5			1	8	5	1	12.75	2.25
		2. Hệ quản trị CSDL	4	3.0	2	2.5					6		5.5	1.5
2	Hệ quản trị CSDL Microsoft ACCESS	1. Giới thiệu MS ACCESS	3	2.25	2	2.5					5		4.75	1.25
		2. Cấu trúc bảng, liên kết giữa các bảng	3	2.25	3	3.75	2	10			6	2	22	5.0
		3. Các thao tác cơ sở	3	2.25	3	3.75					6			
Tổng			16	12	12	15	2	10	1	8	28	3	45	10
Tỉ lệ %			40		30		20		10		70	30		100 %
Tỉ lệ chung			70				30				100			100 %

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Ô thời gian được tính theo đơn vị “phút”

b. Đặc tả

TT	Nội dung kiến thức (Chủ đề)/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Khái niệm cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1.1. Khái niệm cơ sở dữ liệu (CSDL)	Nhận biết: - Trình bày được các khái niệm về hệ CSDL. (Câu 1, Câu 2) - Nêu được vai trò của CSDL trong học tập và cuộc sống. (Câu 3) - Nêu được các công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức. Thông hiểu: - Lấy được ví dụ về bài toán quản lý trong thực tế để minh họa cho CSDL. (Câu 5, Câu 6) - Giải thích được vai trò của CSDL trong học tập và cuộc sống thông qua các ví dụ cụ thể. Vận dụng cao: - Xác định được các bảng dữ liệu cần thiết cho một bài toán quản lý thực tế. (Bài 1)	3	2		1
		1.2. Hệ quản trị CSDL	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm hệ QT CSDL. (câu 7)	4	2		

			- Nêu được các chức năng của hệ quản trị CSDL (tạo lập CSDL; cập nhật dữ liệu, tìm kiếm, kết xuất thông tin; điều khiển việc truy cập vào CSDL). (Câu 8) - Nêu được vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL. (câu 9, câu 10) - Nêu được các bước xây dựng hệ CSDL. Thông hiểu: - Nêu được ví dụ cụ thể về hệ QT CSDL. - Giải thích được các chức năng của hệ QT CSDL thông qua ví dụ minh họa. (Câu 11, 12) - Giải thích được vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL (theo một trong 3 vai trò: người quản trị, người lập trình ứng dụng và người dùng). - Chỉ ra được các công việc cụ thể thường phải làm khi tạo lập CSDL (cập nhật dữ liệu, tìm kiếm, kết xuất thông tin, điều khiển việc truy cập vào CSDL).				
2	Hệ quản trị CSDL quan hệ MS ACCESS	2.1. Giới thiệu MS ACCESS	Nhận biết: - Nêu được khái niệm Access. (Câu 13) - Nêu được các chức năng chính của Access. (Câu 14) - Nêu được bốn đối tượng chính của CSDL: bảng, mẫu hỏi, biểu mẫu và báo cáo. (Câu 15) - Nêu được hai chế độ làm việc với các đối tượng của CSDL: Chế độ thiết kế và chế độ trang dữ liệu. - Nêu được cách thực hiện các thao tác: khởi động và ra khỏi Access, tạo CSDL mới, mở CSDL đã có.	3	2		

			Thông hiểu: - Nhận ra và nêu được tác dụng, ý nghĩa của các chức năng chính của ACCESS: tạo lập bảng, thiết lập mối liên kết giữa các bảng, cập nhật và kết xuất thông tin. (Câu 16, 17)				
		2.2. Cấu trúc bảng, liên kết giữa các bảng	Nhận biết: - Trình bày được các khái niệm chính sau đây trong cấu trúc dữ liệu bảng thông qua ví dụ minh họa: (Câu 18, 19) + Cột (trường/thuộc tính): tên, miền giá trị. + Hàng (bản ghi/bộ): bộ các giá trị của các thuộc tính. + Khoá chính. - Nêu được cách tạo và sửa cấu trúc bảng. (Câu 20) Thông hiểu: - Giải thích được tác dụng của việc liên kết giữa các bảng. (Câu 21) - Phân biệt được hai khái niệm cột/trường và hàng/bản ghi. (Câu 22, 23) Vận dụng: - Xác định được kiểu dữ liệu cho các trường trong bảng DL cụ thể. (Bài 2) Giải quyết được các lỗi gặp phải khi thao tác với khoá chính, liên kết cho các bảng dữ liệu trên Access. (Bài 3)	3	3	2	

		2.3. Các thao tác cơ sở	Nhận biết: - Chỉ ra được các lệnh làm việc với bảng: cập nhật dữ liệu, sắp xếp, tìm kiếm đơn giản và tạo biểu mẫu. (Câu 24, 25, 26) Thông hiểu: - Phân biệt được các thao tác làm việc với bảng (mở bảng để chỉnh sửa cấu trúc/nội dung, cập nhật, sắp xếp và tìm kiếm). (Câu 27, 28) - Lấy được ví dụ minh họa các tình huống cần phải cập nhật, sắp xếp, tìm kiếm đơn giản và tạo biểu mẫu. (Câu 4) Vận dụng: - Đưa ra được yêu cầu và các bước thực hiện để tìm kiếm thông tin (lọc theo mẫu) trên một bảng trong Access	3	3		
Tổng		16	12	2	1		